

Số: 50/TB-UBND

Tiên Tiến, ngày 24 tháng 3 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc công khai Dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất tại xã Tiên Tiến để thực hiện dự án đường Tân Phúc -Võng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 49/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

Căn cứ nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND tỉnh Hưng Yên Ban hành Quy định về Bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: số 1142/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 về việc phê duyệt Dự án đầu tư đường Tân Phúc -Võng Phan (giao ĐT. 378), tỉnh Hưng Yên; số 27/2024/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 về việc ban hành Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai ngày 18/01/2024 và Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ; số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/1/2026 về việc ban hành quy định chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại

về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.; số 153/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 1007/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 về việc ban hành quy định mức hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án đường Tân Phúc - Vồng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên; số 542/QĐ-UBND ngày 06/3/2025 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Phù Cừ;

Căn cứ Thông báo số 41/TB-UBND ngày 04/3/2026 của UBND xã Tiên Tiến về việc Thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án đường Tân Phúc – Vồng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 của UBND huyện Phù Cừ cũ về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đường Tân Phúc-Vồng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Thông báo số 54/TB-UBND ngày 26/9/2025 về Kết luận của Chủ tịch UBND xã Tiên Tiến về phương án xét duyệt bố trí tái định cư, bồi thường bằng giao đất ở đối với 33 hộ gia đình, cá nhân tại Thôn An Nhuế, Duyên Linh và Hà Linh để thực hiện Dự án đường Tân Phúc - Vồng Phan (giao ĐT.378) tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết về tài sản-vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất tại xã Tiên Tiến để thực hiện dự án đường Tân Phúc-Vồng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên

UBND xã Tiên Tiến thông báo công khai Dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết về tài sản-vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất tại xã Tiên Tiến để thực hiện dự án đường Tân Phúc -Vồng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên đối với hộ gia đình ông Nguyễn Đình Sy và bà Lưu Thị Lỗn như sau:

1, Tổng diện tích đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Đình Sy và bà Lưu Thị Lỗn: 446,4 m², trong đó:

- Đất ở tại nông thôn: 320,0 m².
- Đất nuôi trồng thủy sản: 126,4 m².

2. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc, cây trồng trên đất: 835.509.800 đồng.

3. Giá đất ở tại vị trí thu hồi (ONT): 7.244.000 đồng/m² x 320,0m² = 2.318.080.000 đồng (Giá đất tại vị trí thu hồi theo Chứng thư thẩm định giá)

4. Giá đất nuôi trồng thủy sản (NTS): $300.000 \text{ đồng/m}^2 \times 126,4\text{m}^2 = 37.920.000 \text{ đồng}$

5. Bố trí tái định cư: Hộ gia đình ông Nguyễn Đình Sy, bà Lưu Thị Lôn được bố trí 02 suất; căn cứ theo Khoản 4.... điều 111 của Luật đất đai.

(Có phương án chi tiết kèm theo)

6. Thời gian công khai: tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã là 10 ngày kể từ ngày 26/3/2026 đến hết ngày 05/4/2026.

7. Địa điểm công khai: Niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã Tiên Tiến, Nhà văn hóa thôn Duyên Linh, thông báo trên hệ thống truyền thanh xã Tiên Tiến.

Trong thời gian niêm yết công khai dự thảo phương án UBND xã Tiên Tiến tiếp nhận mọi ý kiến của hộ gia đình, cá nhân. Hết thời gian công khai nêu trên, nếu hộ gia đình, cá nhân nào có ý kiến UBND xã sẽ không tiếp nhận, giải quyết.

Vậy UBND xã Tiên Tiến thông báo tới hộ gia đình, các tổ chức, cá nhân có liên quan được biết và thực hiện./. *Chữ*

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- UB MTTQ VN xã;
- TT Dịch vụ tổng hợp xã;
- Các thành viên HDBT;
- Cổng thông tin điện tử của xã;
- Hộ ông Nguyễn Đình Sy;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Signature]
Nguyễn Quý Bình

PHỤ LỤC CHI TIẾT SỐ 01

Dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết về tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất tại xã Tiên Tiến để thực hiện dự án đường Tân Phúc-Võng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên
HỌ ÔNG NGUYỄN ĐÌNH SỸ, BA LÊ THỊ LỘC (THÔN DUYÊN LINH)

(Kèm theo Phương án số: /PA-HĐBT ngày 02/2020 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xã Tiên Tiến)

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị tính	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Số lượng, khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số vùng (k)	Hệ số điều chỉnh (l)	Hỗ trợ 80% đơn giá bồi thường đối với cây trồng trên đất nông nghiệp	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Tổng cộng									838.509.800	
I	Đất đai										
1	Đất ở nông thôn	m ²	320,0	ONT	320,0	7.244.000					
2	Đất nuôi trồng thủy sản	m ²	126,40	NTS	126,40	300.000				37.920.000	
II	Tài sản, vật kiến trúc trên đất ở nông thôn, (thửa đất số 148, diện tích thu hồi 320m²)									802.417.660	
	Nhà chính; KT: 9,3m x 7,6m, cao 4,8m										
1	Nhà 1 tầng chiều cao tường 4,8m, xây gạch chi, mái bằng, tường 220, móng xây gạch đặc, không có công trình phụ	m ² sàn			70,680	3.875.588	1	1,011		276.939.752	
2	Đóng cọc tre gia cố nền đất	m			950,0	28.052	1	1,011		26.942.543	
3	Óp gạch vào tường ngoài nhà, gạch ceramic 600x600mm; KT: (4,61m x 3,0m) - (1m x 1,5m)	m ²			12,330	460.385	1	1,011		5.738.989	
4	Óp gạch vào viền tường gạch ceramic 120x300mm; KT: 0,25m x 4,61m x 3 mặt	m ²			3,45750	322.987	1	1,011		1.129.012	
5	Bạc tam cấp lát gạch đất nung 400x400mm; KT: (5,2m x 0,5m) x 2 + (0,12m x 5,2m) + (1,9m x 0,63m) + (2,6m x 1m)	m ²			9,6210	208.945	1	1,011		2.032.373	
6	Sảnh lát gạch ceramic 500x500mm; KT: 1,63m x 4,8m	m ²			7,8240	359.110	1	1,011		2.840.583	
7	Tường sảnh ốp gạch, kích thước gạch 600x600mm; KT: (4,16m x 4,55m) - (1m x 1,5m) - (1,15m x 2,05m) + (2,05m x 4,16m) - (0,9m x 2,1m)	m ²			21,70850	460.385	1	1,011		10.104.205	
8	Cột tròn đồ BTCT mác 200; KT: R = 0,1 m; cao 2,55m x 2 trụ	m ³			0,160140	3.226.656	1	1,011		522.401	
9	Tấm nan đồ BTCT mác 200; KT: 1,3m x 0,5m x 0,1m x 2 tấm	m ³			0,130	3.000.140	1	1,011		394.308	
10	Vòm sảnh xây gạch chi, chiều dày 22cm; KT: (1,3m x 1,5m + 3,6m x 1,5m) x 0,22m	m ²			1,6170	1.949.168	1	1,011		3.186.475	
11	Óp gạch vào viền tường gạch ceramic 120x300mm; KT: (0,25m x 6,2m) + (0,65m x 2,5m) + (0,9m x 1,91m)	m ²			4,8940	322.987	1	1,011		1.598.086	

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị tính	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Số lượng, khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số vùng (k)	Hệ số điều chỉnh (l)	Hỗ trợ 80% đơn giá bồi thường đối với cây trồng trên đất nông nghiệp	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
12	Sơn sảnh không bả 1 nước lót, 2 nước phủ; KT: (1,91m x 4,9m) + (1,4m x 0,74m) + (4,9m x 1,4m)	m ²			17,2550	126.825	1	1,011		2.212.437	
13	Ôp cạnh cửa, gạch 250x400mm; KT: 5,25m x 0,25m	m ²			1,31250	423.906	1	1,011		562.497	
14	Ô văng cửa sổ đồ BTCT mức 200 dày 0,1m; KT: 0,6m x 2m x 0,1m x 3 ô văng	m ³			0,360	3.000.140	1	1,011		1.091.931	Áp dụng đơn giá bê tông tính đến mức 200
15	Ô văng cửa sổ dán ngói mũi hài; KT: 0,6m x 2m x 3 ô văng	m ²			3,60	698.196	1	1,011		2.541.154	
	Phòng khách: KT: 4,6m x 4,02m										
1	Nền lát gạch ceramic 500x500mm; KT: 4,6m x 4,02m	m ²			18,4920	359.110	1	1,011		6.713.709	
2	Ôp gạch vào tường, kích thước gạch 800x800mm; KT: 15,14m x 0,9m	m ²			13,6260	496.390	1	1,011		6.838.212	
3	Tường ôp nhựa; KT: (17,24m x 3,2m) - (1,3225m x 1,14m)	m ²			53,660350	176.131	1	1,011		9.555.215	Vấn dụng đơn giá làm vách ngăn bằng tấm nhựa
4	Sơn trần nhà không bả 1 nước lót, 2 nước phủ; KT: 4,6m x 4,02m	m ²			18,4920	69.086	1	1,011		1.291.591	
5	Hỗ trợ tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt quạt trần	bộ			1,0					0	
6	Hỗ trợ tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt điều hòa 1 cục bao gồm cả giá đỡ máy	máy			1,0	569.762	1			576.029	
7	Ôp cạnh cửa phòng, kích thước gạch 250x400mm; KT: 5,15m x 0,25m	m ²			1,28750	423.906	1	1,011		551.783	
	Phòng ngủ; KT: 2,98m x 6,32m										
1	Nền lát gạch ceramic 500x500mm; KT: 2,98m x 6,32m	m ²			18,83360	460.042	1	1,011		8.759.554	
2	Ôp gạch tường, kích thước gạch 120x500mm, cao 0,12m; KT: 0,12m x 16,8m	m ²			2,0160	322.987	1	1,011		658.304	Vấn dụng đơn giá ốp chân tường 120x300mm
3	Bậc cầu thang lát đá granit kim sa tự nhiên; KT: (0,45m x 0,85m) x 16 bậc + (0,6m x 1m) + (0,58m x 0,425m) x 8 bậc + (0,9m x 0,2m) x 8 cổ bậc	m ²			10,1320	972.055	1	1,011		9.957.199	
4	Sơn phòng ngủ không bả 1 nước lót, 2 nước phủ; KT: (2,98m x 6,32m + 2,98m x 4,1m x 2 + 6,32m x 4,1m x 2) - (1m x 1,15m) - (0,9m x 2,1m x 2)	m ²			90,16360	69.086	1	1,011		6.297.562	
5	Sơn mặt dưới cầu thang không bả 1 nước lót, 2 nước phủ; KT: 4,5m x 0,85m	m ²			3,8250	69.086	1	1,011		267.161	
	Phần mái tum + Mái vẩy										
1	Tường hoa xây gạch chỉ, chiều dày 11cm, vữa TH M25; KT: 29m x 0,75m x 0,11m	m ³			2,393	2.165.333	1	1,011		5.237.545	

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị tính	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Số lượng, khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số vùng (k)	Hệ số điều chỉnh (l)	Hỗ trợ 80% đơn giá bồi thường đối với cây trồng trên đất nông nghiệp	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
2	Tường rào xây gạch chi, dày 11cm, vữa TH M25; KT: (4m x 0,75m) x 0,11m	m ³			0,3300	2.165.333	1	1,011		722.420	
3	Tum xây gạch chi, dày 11cm, vữa TH M25, quét vôi ve; KT: ((1,7m x 2,1m) + (2,6m x 1,5m) x 2 bên) x 0,11m	m ³			1,25070	2.165.333	1	1,011		2.737.972	
4	Son tum không bả 1 nước lót, 2 nước phủ; KT: (1,7m x 2,1m) + (2,6m x 1,5m) x 2 bên	m ²			11,370	126.825	1	1,011		1.457.862	
5	Tấm nan đồ BTCT mác 200, dày 0,1m; KT: 1m x 4,9m x 0,1m	m ³			0,490	3.000.140	1	1,011		1.486.239	
6	Mái đua, mái vẩy lợp tôn mạ màu nối với nhà, không xây tường nền lót vữa XM, tường trát và quét vôi ve, cao 3,2m; KT: 9,0m x 3,5m	m ²			31,50	628.679	1	1,011		20.021.226	
	Nhà bếp + công trình phụ ngoài nhà										
1	Nhà bếp: Nhà xây gạch chi tường 110 bờ trụ, kết cấu vì kèo tre, lợp mái fibroximăng; KT: 6,35m x 3,9m	m ² sàn			24,7650	1.789.325	1	1,011		44.800.073	
2	Nền lát gạch ceramic 500x500mm; KT: 3,37m x 6,05m	m ²			20,38850	359.110	1	1,011		7.402.253	
3	Óp gạch vào chân tường, kích thước gạch 120x500mm; KT: 0,12m x 17,09m	m ²			2,05080	322.987	1	1,011		669.668	Vào dùng để ốp giáp chân tường gạch 120x500mm
4	Bàn bếp đồ BTCT; KT: 3,25m x 0,6m x 0,1m	m ³			0,1950	3.000.140	1	1,011		591.463	Vào dùng để ốp giáp bề tường tầng 1m x 2m
5	Mặt bàn bếp ốp gạch ceramic 600x600mm; KT: 3,25m x 0,6m	m ²			1,950	460.385	1	1,011		907.626	
6	Trụ bàn bếp xây gạch chi, chiều dày 11cm, cao 0,6m, vữa TH M25; KT: (0,6m x 0,6m x 3 trụ) x 0,11m	m ³			0,11880	2.165.333	1	1,011		260.071	
7	Óp trụ bàn bếp gạch ceramic 300x600mm; KT: 0,7m x 0,6m x 6 + 0,1m x 3,2m + 2,7m x 0,1m	m ²			3,110	563.183	1	1,011		1.770.766	
8	Óp tường bếp gạch ceramic 300x600mm; KT: (5,15m x 2,35m) - (0,6m x 2m)	m ²			10,90250	563.183	1	1,011		6.207.644	
9	Tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt quạt trần	bộ			1,0		1			0	
10	Tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt máy lọc nước	bộ			1,0		1			0	
11	Tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt tủ lạnh	bộ			1,0		1			0	
	Nhà tắm, nhà vệ sinh										
1	Nhà vệ sinh + tắm: Nhà 1 tầng xây gạch chi tường 110 bờ trụ, mái lợp fibroximăng, cao 3,4m; KT: 3,1m x 4,5m	m ² sàn			13,950	1.789.325	1	1,011		25.235.656	
2	Nền lát gạch ceramic 300x300mm; KT: (0,9m x 4,4m) + (2,0m x 2,11m)	m ²			8,180	328.543	1	1,011		2.717.044	
2	Óp tường gạch ceramic 300x600mm; KT: 7,52m x 1,85m	m ²			13,9120	563.183	1	1,011		7.921.187	

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị tính	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Số lượng, khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số vùng (k)	Hệ số điều chỉnh (l)	Hỗ trợ 80% đơn giá bồi thường đối với cây trồng trên đất nông nghiệp	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
3	Nền hành lang lát gạch ceramic 300x300mm; KT: 1,25m x 2,11m	m ²			2,63750	328.543	1	1,011		876.064	
4	Tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt labavobo	cái			1,0	39.797	1			39.797	
5	Tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt thùng đun nước nóng	bộ			1,0	854.024	1			854.024	
6	Tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt máy giặt	bộ			1,0					0	
7	Ốp tường, kích thước gạch 300x600mm; KT: 6,02m x 1,85m	m ²			11,1370	563.183	1	1,011		6.341.163	
8	Bể nước đầy đồ BTCT, thành bể xây gạch, không nắp đậy BTCT; KT: (1,3m x 1,5m x 2,11m) x 1 bể + (1,4m x 2m x 1,4m) x 1 bể + (0,75m x 1,25m x 0,65m) x 1 bể	m ³			8,6438750	1.098.470	1	1,011		9.599.483	
9	Tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt xi bết	bộ			1	54.269	1			54.269	
	Hạng mục: Sân vườn + tường bao + khác										
1	Bể phốt; KT: 5m x 3m x 2m	m ³			30,0	2.381.911	1	1,011		72.243.361	
2	Mái vẩy nối với nhà, không xây tường, mái lợp fibrôximăng, cao 3,3m; KT: 9,7m x 1,4m	m ²			13,580	136.532	1	1,011		1.874.500	
3	Mái vẩy nối với nhà, không xây tường, mái lợp tôn mạ màu, cao 3,55m; KT: 4,1m x 5,1m + (4,1m x 1m) + (4,3m x 0,7m) x 2	m ²			31,030	628.679	1	1,011		19.722.496	
4	Giếng khoan	m			20,0	90.756	1	1,011		1.835.086	
5	Giếng khơi	m			5,0	2.481.817	1	1,011		12.545.585	
6	Bồn nước nhựa 1000 lít	chiếc			1,0		1			0	
7	Bể nước xây gạch chi, khối tích > 10m ³ có nắp đan; KT: 1,8m x 3,8m x 1,85m	m ³			12,6540	1.179.087	1	1,011		15.084.289	
8	Nhà chăn nuôi lợn: Nhà xây gạch tường xây gạch chi 110 bộ trụ, kết cấu tre, lợp mái fibrôximăng; KT: 4,7m x 3,5m	m ² sản			16,450	1.798.325	1	1,011		29.907.853	
9	Sân bê tông M200; KT: (5,6m x 3,8m) + (4,9m x 2,3m) + (4,8m x 4,6m)	m ²			54,630	315.499	1	1,011		17.425.303	
10	Tường xây gạch chi, chiều dày 11cm, vữa TH M25; KT: 3,8m x 2,0m	m ³			7,60	2.165.333	1	1,011		16.637.553	
11	Trụ xây gạch chi, vữa TH M50; KT: (0,45m x 0,4m x 2,3m) x 2 cột + (0,45m x 0,45m x 2,6m) x 2 cột	m ³			1,8810	2.474.534	1	1,011		4.705.799	
12	Cổng sắt khung bằng sắt ống, nan bằng sắt hộp 12x12mm	kg			130,0	65.052	1	1,011		8.549.784	
13	Cổng sắt khung bằng sắt ống, nan bằng sắt hộp 12x12mm	kg			96,0	65.052	1	1,011		6.313.687	

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị tính	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Số lượng, khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số vùng (k)	Hệ số điều chỉnh (l)	Hỗ trợ 80% đơn giá bồi thường đối với cây trồng trên đất nông nghiệp	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
14	Sân bê tông M200; KT: (2,6m x 1,4m) + (11,2m x 7,7m) + (10,1m x 2,1m)	m ²			111,090	315.499	1	1,011		35.434.321	
15	Tường xây gạch chi, chiều dày 11cm, vữa TH M25; KT: (1,8m x 10,1m) + (11,4m x 0,7m)	m ³			2,87760	2.165.333	1	1,011		6.299.503	
16	Tường xây gạch chi, chiều dày 22cm, vữa TH M25; KT: ((0,5m x 10,1m) + (11,4m x 0,5m)) x 0,22m	m ³			2,3650	1.949.168	1	1,011		4.660.490	
17	Tường hoa xây gạch chi, chiều dày 11cm, vữa TH M25; KT: 4,8m x 0,7m x 0,11m	m ³			0,370	2.165.333	1	1,011		809.110	
18	Tường xây gạch chi, chiều dày 22cm, vữa TH M25; KT: 4,8m x 0,5m x 0,22m	m ³			0,5280	1.949.168	1	1,011		1.040.481	
19	Xây tường gạch chi, dày 11cm, vữa TH M25; KT: 21m x 2m x 0,11m	m ³			4,620	2.165.333	1	1,011		10.113.881	
III	Cây trồng trên đất ở nông thôn (thửa đất số 148, diện tích thu hồi 320m²)									0	
1	Cây nhãn có ĐK gốc < 2 cm	cây			7,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt đất
2	Cây đào ĐK gốc > 10cm, H > 200cm	cây			1,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt đất
3	Cây mít 4cm ≤ ĐK gốc < 8cm	cây			3,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt đất
4	Cây mít 8cm ≤ ĐK gốc < 15cm	cây			3,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt đất
5	Cây mít 25cm ≤ ĐK gốc < 40cm	cây			1,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt đất
6	Cây bưởi ĐK gốc 8cm ≤ Φ < 12cm	cây			2,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt đất
7	Cây bưởi ĐK gốc 5cm ≤ Φ < 8cm	cây			3,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt đất
8	Cây bưởi ĐK gốc > 20 cm	cây			1,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt đất
9	Cây ổi ĐK gốc 2cm ≤ Φ < 7cm	cây			2,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt đất
10	Cây ổi ĐK gốc 12cm ≤ Φ < 20cm	cây			1,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt đất
11	Cây ổi ĐK gốc 20cm ≤ Φ < 30cm	cây			1,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt đất
12	Cây hồng xiêm 7cm ≤ ĐK gốc < 12cm	cây			3,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt đất
13	Cây hồng xiêm 12cm ≤ ĐK gốc < 20cm	cây			3,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt đất
14	Cây hồng xiêm 20cm ≤ ĐK gốc < 30cm	cây			1,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt đất
15	Cây na 2cm ≤ ĐK gốc < 7cm	cây			3,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt đất
16	Cây na 7cm ≤ ĐK gốc < 12cm	cây			1,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt đất
17	Cây na 12cm ≤ ĐK gốc < 20cm	cây			1,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt đất
18	Cây sung 5cm ≤ ĐK gốc < 7cm	cây			1,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt đất

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị tính	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Số lượng, khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số vùng (k)	Hệ số điều chỉnh (l)	Hỗ trợ 80% đơn giá bồi thường đối với cây trồng trên đất nông nghiệp	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
19	Cây sung 10cm ≤ ĐK gốc < 15cm	cây			1,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt độ
20	Cây sung ĐK gốc từ 20cm trở lên	cây			1,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt độ
21	Cây thiết mộc lan 10cm ≤ ĐK gốc < 13cm	cây			6,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt độ
22	Cây cau vua 2cm ≤ ĐK gốc < 7cm	cây			2,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt độ
23	Cây đu đủ cao ≥ 0,5m, đang có quả	cây			1,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt độ
24	Cây mầu đơn 5cm ≤ ĐK gốc < 7cm	cây			6,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt độ
25	Cây đinh lăng 5cm ≤ ĐK gốc < 10cm	cây			5,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt độ
26	Cây bơ 12cm ≤ ĐK gốc < 20cm	cây			4,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt độ
27	Cây bơ 2cm ≤ ĐK gốc < 7cm	cây			1,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt độ
28	Cây sanh 15cm ≤ ĐK gốc < 20cm	cây			1,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt độ
29	Cây vú sữa 7cm ≤ ĐK gốc < 12cm	cây			1,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt độ
30	Cây trúc ĐK gốc < 5cm	cây			2,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt độ
31	Cây mắc mật giống	m ²			1,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt độ
32	Cây hoa hồng	m ²			1,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt độ
33	Cây cảnh	m ²			3,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt độ
34	Cây hoa dành dành	m ²			1,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt độ
35	Cây sắn dây	m ²			13,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt độ
36	Rau mầu các loại	m ²			13,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt độ
37	Cây hoa hồng	m ²			2,0					0	Tự di chuyển do vượt mặt độ
IV	Tài sản, vật kiến trúc trên đất nuôi trồng thủy sản (thửa đất số 149, diện tích thu hồi 126,4m²)									32.092.140	
1	Ao thả cá nước ngọt các loại (trắm, chép, trôi,...), từ khi thả đến dưới 4 tháng	m ²			78,0	45.000				3.510.000	
2	Kè bờ ao xây tường gạch chỉ, dày 22cm, vữa TH M25; KT: 17m x 2,3m x 0,22m	m ³			8,60	1.949.168	1	1,011		16.951.177	
3	Kè bờ ao xây tường gạch chỉ, dày 11cm, vữa TH M25; KT: 14m x 2,3m x 0,11m	m ³			3,5420	2.165.333	1	1,011		7.753.975	
4	Kè bờ ao xây tường gạch chỉ, dày 11cm, vữa TH M25; KT: 7m x 2,3m x 0,11m	m ³			1,7710	2.165.333	1	1,011		3.876.988	
V	Cây trồng trên đất nuôi trồng thủy sản đã san lấp một phần (thửa đất số 149, diện tích thu hồi 126,4m²)									4.000.000	

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị tính	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Số lượng, khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số vùng (k)	Hệ số điều chỉnh (l)	Hỗ trợ 80% đơn giá bồi thường đối với cây trồng trên đất nông nghiệp	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Cây bưởi ĐK gốc 12cm ≤ Φ < 20cm	cây			2,0	2.500.000			2.000.000	4.000.000	
2	Cây bưởi ĐK gốc 12cm ≤ Φ < 20cm	cây			1,0					0	
3	Cây xoài 30cm ≤ ĐK gốc < 60cm	cây			2,0					0	
4	Cây xoài 20cm ≤ ĐK gốc < 30cm	cây			2,0					0	
5	Cây mít 8cm ≤ ĐK gốc < 15cm	cây			1,0					0	
6	Cây khế 8cm ≤ ĐK gốc < 12cm	cây			1,0					0	
7	Cây chanh ĐK gốc 2cm ≤ Φ < 7cm	cây			1,0					0	
8	Cây nhãn có ĐK gốc < 2 cm	m ²			5,0					0	
9	Cây hoa dành dành	m ²			1,0					0	
10	Rau màu các loại	m ²			10,0					0	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BIÊN BẢN CÔNG KHAI

**Dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất
tại xã Tiên Tiến để thực hiện dự án đường Tân Phúc -Võng Phan
(giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 49/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

Căn cứ nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND tỉnh Hưng Yên Ban hành Quy định về Bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: số 1142/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 về việc phê duyệt Dự án đầu tư đường Tân Phúc -Võng Phan (giao ĐT. 378), tỉnh Hưng Yên; số 27/2024/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 về việc ban hành Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai ngày 18/01/2024 và Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ; số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/1/2026 về việc ban hành quy định chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.; số 153/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 1007/QĐ-



UBND ngày 29/4/2025 về việc ban hành quy định mức hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án đường Tân Phúc - Vĩng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên; số 542/QĐ-UBND ngày 06/3/2025 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Phù Cừ;

Căn cứ Thông báo số 41/TB-UBND ngày 04/3/2026 của UBND xã Tiên Tiến về việc Thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án đường Tân Phúc – Vĩng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 của UBND huyện Phù Cừ cũ về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đường Tân Phúc-Vĩng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ thông báo số 54/TB-UBND ngày 26/9/2025 của UBND xã Tiên Tiến về kết luận của Chủ tịch UBND xã Tiên Tiến về phương án xét duyệt bố trí tái định cư, bồi thường bằng giao đất ở đối với 33 hộ gia đình, cá nhân tại thôn An Nhuế, Duyên Linh và Hà Linh để thực hiện dự án đường Tân Phúc-Vĩng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên;

Hội đồng bồi thường xã Tiên Tiến đã tiến hành kiểm đếm tài sản, vật kiến trúc, cây trồng trên đất và lập Dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết về tài sản-vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất tại xã Tiên Tiến để thực hiện dự án đường Tân Phúc-Vĩng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên đối với hộ gia đình ông Nguyễn Đình Sy và bà Lưu Thị Lỗn.

Vào hồi 7 giờ 30 phút hôm nay, ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại UBND xã Tiên Tiến gồm có:

I. THÀNH PHẦN:

Ông: Nguyễn Quý Bình, Phó Chủ tịch UBND xã;

Ông: Trần Thanh Long, Trưởng phòng Kinh tế xã;

Ông: Vũ Minh Hà, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã;

Ông: Phạm Xuân Đoàn, Công Chức PKT xã;

Ông: Bùi Nhật Nhân, Công Chức PKT xã;

Bà: Hoàng Thị Thảo, Cán bộ Ban quản lý dự án ĐTXD xã;

Ông: Doãn Trung Bắc, Cán bộ Ban quản lý dự án ĐTXD xã;

Ông: Nguyễn Đức Hợi, Bí thư, trưởng thôn Duyên Linh;

II. NỘI DUNG:

1. Tiến hành lập Biên bản công khai dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất tại xã Tiên Tiến để thực hiện dự án đường Tân Phúc - Vĩng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên đối với hộ ông Nguyễn Đình Sy và bà Lưu Thị Lỗn như sau:



- + Tổng kinh phí bồi thường hỗ trợ: **3.194.509.800** đồng trong đó:
 - Bồi thường, hỗ trợ về đất ở tại nông thôn (ONT): $7.244.000 \text{ đ/m}^2 \times 320\text{m}^2 = 2.318.080.000$ đồng.
 - Bồi thường, hỗ trợ về đất nuôi trồng thủy sản (NTS): $300.000 \text{ đ/m}^2 \times 126,4\text{m}^2 = 37.920.000$ đồng.
 - Bồi thường, hỗ trợ về tài sản – vật kiến trúc, cây trồng trên đất: 838.509.800 đồng.

(Có phương án chi tiết kèm theo)

2. Thời gian công khai từ ngày 26/3/2026 đến hết ngày 05/4/2026 tại Trụ sở UBND xã Tiên Tiến, hội trường nhà văn hóa thôn Duyên Linh đồng thời thông báo trên hệ thống Truyền thanh xã Tiên Tiến, Cổng thông tin điện tử xã Tiên Tiến trong suốt quá trình công khai.

Biên bản kết thúc hồi 08 giờ 00 cùng ngày, thông qua các thành phần nhất trí ký tên làm cơ sở thực hiện.

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

[Signature]
Bà Nhật Nhân Trần Thanh Long

[Signature]
Bà

[Signature]
Đoàn Trung Bài

[Signature]
Uthair

[Signature]
Hoàng Thị Thảo

[Signature]
Soab

[Signature]
Phạm Ngọc Đoàn



**PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN QUÝ BÌNH**



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KẾT THÚC CÔNG KHAI

**Dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất
tại xã Tiên Tiến để thực hiện dự án đường Tân Phúc - Vĩng Phan
(giao DT.378), tỉnh Hưng Yên**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 49/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

Căn cứ nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND tỉnh Hưng Yên Ban hành Quy định về Bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: số 1142/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 về việc phê duyệt Dự án đầu tư đường Tân Phúc - Vĩng Phan (giao DT. 378), tỉnh Hưng Yên; số 27/2024/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 về việc ban hành Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai ngày 18/01/2024 và Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ; số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/1/2026 về việc ban hành quy định chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.; số 153/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và công trình

xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 1007/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 về việc ban hành quy định mức hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án đường Tân Phúc - Vồng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên; số 542/QĐ-UBND ngày 06/3/2025 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Phù Cừ;

Căn cứ Thông báo số 41/TB-UBND ngày 04/3/2026 của UBND xã Tiên Tiến về việc Thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án đường Tân Phúc – Vồng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 của UBND huyện Phù Cừ cũ về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đường Tân Phúc-Vồng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ thông báo số 54/TB-UBND ngày 26/9/2025 của UBND xã Tiên Tiến về kết luận của Chủ tịch UBND xã Tiên Tiến về phương án xét duyệt bố trí tái định cư, bồi thường bằng giao đất ở đối với 33 hộ gia đình, cá nhân tại thôn An Nhuế, Duyên Linh và Hà Linh để thực hiện dự án đường Tân Phúc-Vồng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên;

Hội đồng bồi thường xã Tiên Tiến đã tiến hành kiểm đếm tài sản, vật kiến trúc, cây trồng trên đất và lập Dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết về tài sản-vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất tại xã Tiên Tiến để thực hiện dự án đường Tân Phúc-Vồng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên đối với hộ gia đình ông Nguyễn Đình Sy và bà Lưu Thị Lôn.

Vào hồi 16 giờ 00 phút hôm nay, ngày 05 tháng 4 năm 2026, tại UBND xã Tiên Tiến gồm có:

I. THÀNH PHẦN:

Ông: Nguyễn Quý Bình, Phó Chủ tịch UBND xã;

Ông: Trần Thanh Long, Trưởng phòng Kinh tế xã;

Ông: Vũ Minh Hà, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã;

Ông: Phạm Xuân Đoàn, Công Chức PKT xã;

Ông: Bùi Nhật Nhân, Công Chức PKT xã;

Bà: Hoàng Thị Thảo, Cán bộ Ban quản lý dự án ĐTXD xã;

Ông: Doãn Trung Bắc, Cán bộ Ban quản lý dự án ĐTXD xã;

Ông: Nguyễn Đức Hợi, Bí thư, trưởng thôn Duyên Linh;

II. NỘI DUNG:

1. Tiến hành lập Biên bản kết thúc công khai về dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất tại xã Tiên Tiến để thực hiện dự án đường



Tân Phúc -Võng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên đối với hộ ông Nguyễn Đình Sy và bà Lưu Thị Lỗn:

Tổng kinh phí bồi thường hỗ trợ: **3.194.509.800** đồng trong đó:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất ở tại nông thôn (ONT): $7.244.000 \text{ đ/m}^2 \times 320\text{m}^2 = 2.318.080.000$ đồng.

- Bồi thường, hỗ trợ về đất nuôi trồng thủy sản (NTS): $300.000 \text{ đ/m}^2 \times 126,4\text{m}^2 = 37.920.000$ đồng.

- Bồi thường, hỗ trợ về tài sản – vật kiến trúc, cây trồng trên đất: 838.509.800 đồng.

(Có phương án chi tiết kèm theo)

2. Thời gian công khai từ ngày 26/3/2026 đến hết ngày 05/4/2026 tại Trụ sở UBND xã Tiên Tiến, hội trường nhà văn hóa thôn Duyên Linh đồng thời thông báo trên hệ thống Truyền thanh xã Tiên Tiến, Cổng thông tin điện tử xã Tiên Tiến trong suốt quá trình công khai. Trong quá trình công khai và tiếp thu ý kiến đến ngày 13/4/2026.

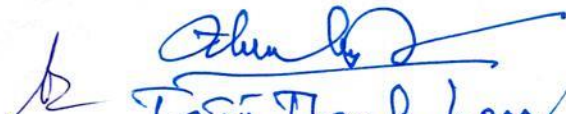
Trong thời gian công khai: hộ ông Nguyễn Đình Sy và bà Lưu Thị Lỗn chưa nhất trí với dự thảo phương án Bồi thường hỗ trợ của Hội đồng bồi thường xã Tiên Tiến và có 1 số ý kiến được trình bày trong đơn kiến nghị kèm theo.

- Ngày 05/4/2026 UBND xã Tiên Tiến họp kết thúc công khai đối với dự thảo phương án Bồi thường, hỗ trợ nêu trên đồng thời nêu trong quá trình phê duyệt phương án mà còn phát sinh trong thời gian công khai 30 ngày theo quy định thì UBND xã sẽ tiếp thu ý kiến và bổ sung vào phương án. Hết quá trình công khai 30 ngày theo quy định UBND xã không nhận thêm ý kiến nào khác.

Biên bản kết thúc hội 16 giờ 30 phút cùng ngày thông qua mọi người nhất trí ký tên làm cơ sở thực hiện.

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ


Trần Thanh Long
Bà Nhật Nhân
Bà Nam

Hoàng Trung Bào
Cử Minh Hoa

Uthaw
Hoàng Thị Thào

Đoàn
Phạm Xuân Đoan




**PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN QUÝ BÌNH**